

**HỘI THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01-2023/CV-VNIDA

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

V/v: *Góp ý Dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng
(sửa đổi) liên quan đến chế định Thành viên
độc lập Hội đồng quản trị với các tổ chức tín
dụng*

Kính gửi:

- Chủ tịch Quốc Hội
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội
- Ủy ban Kinh tế Quốc Hội
- Thủ tướng Chính phủ
- Chính phủ
- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) ("**Dự thảo Luật CTCTD**") đã được Chính phủ trình Quốc hội thảo luận và cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 diễn ra vào tháng 5 và tháng 6/2023 và dự kiến sẽ được thông qua vào kỳ họp thứ 6 diễn ra vào tháng 10/2023.

Với tư cách là một hiệp hội nghề nghiệp của thành viên độc lập hội đồng quản trị được Bộ Nội vụ cấp phép hoạt động, Hội Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam (VNIDA), thông qua văn bản này, mong muốn được kính trình và chia sẻ tới các Quý cơ quan hữu quan về các ý kiến đóng góp của chúng tôi đối với chế định thành viên độc lập hội đồng quản trị của các tổ chức tín dụng cùng với các góp ý cho việc hoàn thiện Dự thảo Luật CTCTD.

Chúng tôi hy vọng các ý kiến đóng góp là hữu ích và được các Quý cơ quan xem xét trong quá trình soạn thảo, hoàn thiện các quy định liên quan đến quản trị công ty nói chung và chế định thành viên độc lập hội đồng quản trị nói riêng đối với các tổ chức tín dụng.

Thông tin liên hệ:

Hội Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam (VNIDA)
Tầng 1, Tòa nhà CT2, KĐT mới Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại: 0886 284 898 | Email: secretariat@vnida.vn & info@vnida.vn
Website: <https://www.vnida.vn>

Xin chân thành cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Chuyên môn & Kỹ thuật VNIDA;
- Ủy ban Chính sách & Pháp luật VNIDA
- Lưu: Văn phòng Hội

**TM. HỘI THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**
Chủ tịch



Nguyễn Sinh Dũng Thắng

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế và Nhóm Ngân hàng Thế giới
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
TCTD	Tổ chức tín dụng
Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập của HĐQT hoặc thành viên HĐQT độc lập
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VNIDA	Hội Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam

GÓP Ý CỦA VNIDA
ĐỐI VỚI CÁC QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT CTCTD (SỬA ĐỔI) LIÊN QUAN ĐẾN
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Tổng quan về Thành viên độc lập HĐQT

1.1. Chế định Thành viên độc lập HĐQT hiện nay

Trong lịch sử phát triển pháp luật về tổ chức tín dụng,¹ chế định về Thành viên độc lập HĐQT lần đầu tiên được ghi nhận tại Luật CTCTD 2010. Đây cũng là văn bản pháp luật đầu tiên đưa ra các tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể để xác định tính độc lập của một Thành viên độc lập HĐQT.² Các quy định về tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên độc lập HĐQT trong Luật CTCTD 2010 được tham khảo và kế thừa gần như toàn bộ trong pháp luật về doanh nghiệp (bao gồm Luật Doanh nghiệp 2014 và sau này là Luật Doanh nghiệp 2020)³ và pháp luật về chứng khoán (Thông tư 116),⁴ được áp dụng không chỉ đối với các công ty chưa cổ phần đại chúng mà còn đối với công ty đại chúng.

Trước khi Luật CTCTD 2010 được ban hành, vào đầu năm 2007, Quy chế QTCTĐC 2007 được Bộ Tài chính ban hành cũng đã có những quy định đầu tiên về Thành viên độc lập HĐQT. Trong đó, Thành viên độc lập HĐQT là vị trí “phải có” trong HĐQT của các công ty niêm yết với số lượng tối thiểu khoảng một phần ba số lượng thành viên trong HĐQT. Tuy nhiên, Quy chế QTCTĐC 2007 không đưa ra các tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể đối với Thành viên độc lập HĐQT mà chỉ dừng lại ở việc quy định Thành viên độc lập HĐQT là người không phải là (tổng) giám đốc, phó (tổng) giám đốc, kế toán trưởng, và các người quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm.

Các nội dung trên cho thấy dù rằng Luật CTCTD 2010 không phải là đạo luật đầu tiên quy định về Thành viên độc lập HĐQT trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nhưng lại là văn bản pháp luật tiên phong trong việc cụ thể hóa và hiện thực hóa chế định về Thành viên độc lập HĐQT và theo đó, các quy định trong Luật CTCTD 2010 có sức ảnh hưởng lớn đến cách thức quy định về Thành viên độc lập trong các đạo luật khác.

Cùng với sự phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới trong những năm qua, vị trí và vai trò của Thành viên độc lập HĐQT dần được ghi nhận và công nhận rõ ràng hơn trong các văn bản pháp luật cũng như thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, đặc biệt các công ty đại chúng và tổ chức tín dụng. Do đó, các quy định về chế định Thành viên độc lập HĐQT cũng cần được nghiên cứu sâu hơn, bổ sung và hoàn thiện thêm để nâng cao hiệu quả hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong các tổ chức tín dụng.

1.2. Tóm tắt vai trò và bản chất của Thành viên độc lập HĐQT trong TCTD

Dưới góc độ quản trị rủi ro, Thành viên độc lập HĐQT cũng giống như các thành viên HĐQT khác là một phần tạo thành HĐQT, là một bộ phận trong khuôn khổ quản trị công

¹ Quốc hội ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 07/1997/QHX lần đầu tiên vào ngày 12 tháng 12 năm 1997.

² Điều 50.2, Luật CTCTD 2010.

³ Điều 155.2, Luật Doanh nghiệp 2020.

⁴ Điều 6.2, Phụ lục III, Thông tư 116.

ty tổng thể, giám sát khuôn khổ quản trị rủi ro.⁵ Như vậy, Thành viên độc lập HĐQT cũng giống như các thành viên HĐQT khác trong các tổ chức tín dụng giữ vị trí và vai trò là người có trách nhiệm giám sát khuôn khổ quản trị rủi ro thông qua việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong HĐQT và theo đó, thực thi thẩm quyền của HĐQT theo điều lệ của tổ chức và pháp luật có liên quan.

Dưới góc độ quản trị và điều hành doanh nghiệp, HĐQT là cơ quan điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, toàn quyền nhân danh tổ chức tín dụng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Thành viên độc lập HĐQT cũng giống như các thành viên HĐQT khác trong các tổ chức tín dụng giữ vị trí và vai trò là người có trách nhiệm quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng thông qua việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong HĐQT và theo đó, thực thi thẩm quyền của HĐQT theo điều lệ của tổ chức và pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, Thành viên độc lập HĐQT cũng có vị trí và vai trò khác với các thành viên HĐQT khác và sự khác biệt này xuất phát chính từ thuật ngữ “độc lập”. Theo đó, về bản chất, Thành viên độc lập HĐQT có thể được hiểu là những người độc lập và trung lập với HĐQT của tổ chức tín dụng và cả tổ chức tín dụng ở hai khía cạnh cơ bản: (i) độc lập và trung lập về quản lý và điều hành (không phải là người có liên quan về mặt quản lý, điều hành với tổ chức tín dụng); và (ii) độc lập và trung lập về lợi ích (không phải là người liên quan về mặt lợi ích với tổ chức tín dụng). Chính nhờ sự độc lập và trung lập này, Thành viên độc lập HĐQT có thể cung cấp cái nhìn khách quan như một người ngoài cuộc và đưa ra những quyết định không thiên lệch vì lợi ích tốt nhất của tổ chức tín dụng chứ không phải chỉ vì lợi ích tốt nhất của các cổ đông lớn và/hoặc của HĐQT hay của ban lãnh đạo của tổ chức tín dụng đó trong việc quản trị rủi ro và quản lý và điều hành tổ chức tín dụng.

Nói một cách ngắn gọn, Thành viên độc lập HĐQT có thể được hiểu là người vừa giữ vị trí và vai trò quản trị và điều hành như các thành viên HĐQT khác, nhưng cũng là người có vai trò và trách nhiệm kiểm tra, giám sát và cân bằng lợi ích (check and balance) giữa các chủ thể có liên quan và tổ chức tín dụng trong khi thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong HĐQT theo điều lệ của tổ chức và pháp luật có liên quan. Như vậy, Thành viên độc lập HĐQT trong tổ chức tín dụng đóng vai trò đảm bảo tính minh bạch và khách quan trong các quyết định của HĐQT (bao gồm cả quá trình đưa ra quyết định và nội dung của quyết định), ảnh hưởng quan trọng đến chất lượng, hiệu quả của việc quản trị tổ chức, và góp phần bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số, thậm chí trong nhiều trường hợp, là lợi ích công nói chung.

2. Đánh giá các quy định của Dự thảo Luật CTCTD liên quan đến Thành viên độc lập HĐQT và đề xuất sửa đổi của VNIDA

2.1. Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện “độc lập” của Thành viên độc lập HĐQT

(a) Bình luận và đánh giá

⁵ Là một phần của khuôn khổ quản trị tổng thể của các tổ chức tín dụng, HĐQT chịu trách nhiệm giám sát một khuôn khổ quản trị rủi ro chặt chẽ. Các trách nhiệm trong khuôn khổ quản trị rủi ro thường được xác định thông qua nguyên tắc ba tuyến phòng thủ (three lines of defence): đầu tiên là tuyến hoạt động kinh doanh, tiếp theo là tuyến quản lý rủi ro và tuân thủ, cuối cùng là tuyến kiểm toán nội bộ; các tuyến phòng thủ này độc lập với nhau.

Nhìn chung, quy định về tiêu chuẩn và điều kiện xác định tính “độc lập” của thành viên HĐQT trong Dự thảo Luật CTCTD là tương đối đầy đủ, tương thích với các tiêu chí được IFC đưa ra. Tuy nhiên, quy định về điều kiện độc lập còn thiếu một tiêu chí quan trọng liên quan đến việc *độc lập trong các quan hệ kinh doanh với TCTD*.

Ngoài ra, một số điều kiện cụ thể khác của IFC cũng nên được cân nhắc áp dụng để gia tăng tính độc lập của Thành viên độc lập HĐQT như: (i) không liên kết với bất kỳ tổ chức phi lợi nhuận nào mà nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ công ty hoặc các bên liên quan của công ty; (ii) không tham gia vào bất kỳ [chế độ]/[kế hoạch] quyền mua cổ phiếu hoặc [chế độ]/[kế hoạch] nghỉ hưu của công ty hoặc các bên liên quan của công ty; (iii) không phải là cán bộ điều hành của một công ty khác mà tại công ty đó có bất kỳ người điều hành nào của công ty làm việc trong HĐQT của công ty đó; v.v.

Các phân tích chi tiết thông qua việc so sánh với pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế trong khu vực và thông lệ quản trị tốt được trình bày tại **Phụ lục I.1** bên dưới.

(b) Đề xuất sửa đổi

Đề xuất bổ sung thêm điểm e vào sau điểm đ khoản 2, Điều 49 về điều kiện về độc lập trong mối quan hệ kinh doanh với TCTD (được *in nghiêng và gạch chân* phía bên dưới) và kiến nghị cân nhắc bổ sung thêm các điểm g, h, và i về một số điều kiện như sau (được *in nghiêng* bên dưới):

Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng
[...]

2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó; trừ trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục.

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng;

d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng;

đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó, trừ trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục;

e) Không phải là người có bất kỳ mối quan hệ kinh doanh nào với tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; hoặc có người có liên quan có bất

kỳ mối quan hệ kinh doanh nào với tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; không phải là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc công ty có mối quan hệ kinh doanh với tổ chức tín dụng;

g) Không liên kết với bất kỳ tổ chức phi lợi nhuận nào mà nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng;

h) Không tham gia vào bất kỳ kế hoạch phát hành, mua cổ phiếu của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng, chế độ hưu trí của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng;

i) Không phải là người quản lý, người điều hành của một công ty, tổ chức tín dụng khác mà tại công ty, tổ chức tín dụng đó có bất kỳ người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng đang làm việc trong hội đồng quản trị của công ty, tổ chức tín dụng đó.

Cho mục đích tiện theo dõi và so sánh với quy định hiện hành và quy định hiện tại trong Dự thảo Luật CTCTD, nội dung đề xuất sửa đổi của mục này được nêu lại trong **Phụ lục II.1** bên dưới.

2.2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên độc lập HĐQT

(a) Bình luận và đánh giá

Dự thảo Luật CTCTD không quy định nghĩa vụ báo cáo của thành viên độc lập cho HĐQT khi không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.

Dự thảo Luật CTCTD không có quy định rõ việc Thành viên độc lập HĐQT sẽ đương nhiên mất tư cách khi không đáp ứng các điều kiện độc lập theo luật định. Điều này có thể dẫn đến trường hợp, một Thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện về tính độc lập nhưng vẫn có thể được hoạt động trong HĐQT cho đến khi chính thức bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Các phân tích chi tiết thông qua việc so sánh với pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế trong khu vực được trình bày tại **Phụ lục I.2** bên dưới.

(b) Đề xuất sửa đổi

Bổ sung quy định đương nhiên chấm dứt tư cách Thành viên độc lập HĐQT và nghĩa vụ báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT vào khoản 1 Điều 34 Dự thảo Luật CTCTD:

Điều 34. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc):

[...]

i) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không còn đáp ứng yêu cầu về tính độc lập được quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật này. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải ngay lập tức thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật này;

Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 35 Dự thảo Luật CTCTD như sau:

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. [...] thành viên Hội đồng quản trị; [...] của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: [...]

đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị *không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật này*;

Cho mục đích tiện theo dõi và so sánh với quy định hiện hành và quy định hiện tại trong Dự thảo Luật CTCTD, nội dung đề xuất sửa đổi của mục này được trình bày lại trong **Phụ lục II.2** bên dưới.

2.3. TVĐL HĐQT trong cấu trúc HĐQT

(a) Bình luận và đánh giá

Dự thảo Luật CTCTD đã tăng số lượng Thành viên độc lập HĐQT tối thiểu lên hai (2) thành viên, so với một (1) thành viên như trong Luật CTCTD hiện hành, bước đầu khẳng định tầm quan trọng của Thành viên độc lập trong HĐQT nói chung và trong HĐQT của TCTD nói riêng.

Tuy nhiên, Dự thảo Luật CTCTD ấn định con số cụ thể thay vì quy định tỷ lệ sẽ có thể dẫn tới các trường hợp thực tế tổng số thành viên HĐQT tăng lên nhưng số lượng Thành viên độc lập HĐQT không tăng theo, dẫn tới tỷ lệ Thành viên độc lập trong HĐQT giảm dần và thậm chí tỷ lệ đó có thể thấp hơn yêu cầu tối thiểu áp dụng đối với các công ty cổ phần nói chung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020. Cách quy định như vậy chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị công ty chặt chẽ và chuyên biệt hơn áp dụng với loại hình doanh nghiệp đặc thù là các TCTD.

Ngoài ra, quy định theo cách của Dự thảo Luật CTCTD cũng không bảo đảm được việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của TCTD, khó đáp ứng yêu cầu giám sát khách quan và làm giảm tính khả thi trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích, cũng như làm suy giảm vai trò của Thành viên độc lập trong HĐQT, đặc biệt là trong các Ủy ban chuyên môn của HĐQT.

Các phân tích chi tiết thông qua việc so sánh với pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế trong khu vực được trình bày tại **Phụ lục I.3** bên dưới.

(b) Đề xuất sửa đổi

Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 61 Dự thảo Luật CTCTD như sau (được *in nghiêng và gạch chân* phía bên dưới):

Điều 61. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần

1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Trường hợp ngân hàng thương mại là công ty cổ phần thì Hội đồng quản trị ngân hàng phải có ít nhất một phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập, trường hợp tổ

chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần thì Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng phải có ít nhất một phần năm tổng số thành viên là thành viên độc lập.

Cho mục đích tiện theo dõi và so sánh với quy định hiện hành và quy định hiện tại trong Dự thảo Luật CTCTD, nội dung đề xuất sửa đổi của mục này được trình bày lại trong **Phụ lục II.3** bên dưới.

2.4. Vai trò của Thành viên độc lập HĐQT

(a) Bình luận và đánh giá

Tương tự quy định của Luật CTCTD hiện hành, Dự thảo Luật CTCTD không quy định vai trò đặc biệt, cụ thể của Thành viên độc lập HĐQT trong TCTD. Thông tư 40 hướng dẫn Luật CTCTD hiện hành chỉ quy định Ủy ban Quản lý rủi ro của HĐQT trong TCTD phải có tối thiểu một thành viên là Thành viên độc lập HĐQT. Quy định như vậy chưa bảo đảm được vai trò của Thành viên độc lập HĐQT trong thực hiện chức năng giám sát, tham vấn độc lập và hạn chế xung đột lợi ích đặc biệt là trong HĐQT của các ngân hàng thương mại cổ phần, đồng thời chưa tương thích với hướng quy định tăng số lượng Thành viên độc lập HĐQT như đã đề cập trong mục 2.3 nói trên.

Các phân tích chi tiết thông qua việc so sánh với pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế trong khu vực được trình bày tại **Phụ lục I.4** bên dưới.

(b) Đề xuất sửa đổi

Đề xuất bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 42 Dự thảo Luật CTCTD như sau (được in nghiêng và gạch chân phía bên dưới):

Điều 42. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên

[...]

7. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị ngân hàng thương mại là công ty cổ phần phải có ít nhất một thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và phải có đa số thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành. Trưởng ban của các Ủy ban của Hội đồng quản trị ngân hàng thương mại là công ty cổ phần phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và chỉ được làm Trưởng ban của một (01) Ủy ban vào mỗi thời điểm, trừ trường hợp số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số lượng Ủy ban của Hội đồng quản trị.

Cho mục đích tiện theo dõi và so sánh với quy định hiện hành và quy định hiện tại trong Dự thảo Luật CTCTD, nội dung đề xuất sửa đổi của mục này được trình bày lại trong **Phụ lục II.4** bên dưới.

2.5. Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập hoặc bổ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT đại diện

(a) Bình luận và đánh giá

Dự thảo Luật CTCTD không bắt buộc Chủ tịch HĐQT phải là thành viên độc lập là tương đối phù hợp với điều kiện thực tế thị trường Việt Nam, nhưng chưa có cơ chế dự phòng cho trường hợp Chủ tịch HĐQT liên quan đến vấn đề xung đột lợi ích hoặc vị trí Chủ tịch HĐQT tạm thời chưa có thành viên HĐQT đảm nhiệm.

Do đó, để bảo đảm HĐQT vận hành liên tục, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý TCTD cũng như bảo đảm các vai trò, chức năng của Thành viên độc lập HĐQT, Dự thảo Luật CTCTD nên cân nhắc bổ sung các quy định liên quan về “thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện” thay mặt và phụ trách HĐQT khi vị trí Chủ tịch HĐQT liên quan đến vấn đề xung đột lợi ích hoặc vị trí Chủ tịch HĐQT tạm thời chưa có thành viên HĐQT đảm nhiệm.

Các phân tích chi tiết thông qua việc so sánh với pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế trong khu vực được trình bày tại **Phụ lục I.5** bên dưới.

(b) Đề xuất sửa đổi

Đề xuất Bổ sung khoản 41 vào sau khoản 40 Điều 4 Dự thảo Luật CTCTD như sau:

Điều 4. Giải thích từ ngữ:

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

[...]

41. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện là thành viên độc lập do Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng là công ty cổ phần bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị mà không phải là thành viên độc lập trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị mới hoặc khi có phát sinh vấn đề xung đột lợi ích với Chủ tịch Hội đồng quản trị đó.

Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 61 Dự thảo Luật CTCTD như sau:

Điều 61. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần

[...]

3. Trong phiên họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu không phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải bầu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện trong số các thành viên độc lập. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 64 Luật này và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị chưa bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới cho đến khi Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị mới, hoặc khi có phát sinh vấn đề xung đột lợi ích với Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cho mục đích tiện theo dõi và so sánh với quy định hiện hành và quy định hiện tại trong Dự thảo Luật CTCTD, nội dung đề xuất sửa đổi của mục này được trình bày lại trong **Phụ lục II.5** bên dưới.

2.6. Mâu thuẫn lợi ích liên quan đến Thành viên độc lập HĐQT

Lợi ích và xung đột lợi ích là các vấn đề thường trực của mọi doanh nghiệp nói chung và tổ chức tín dụng nói riêng. Việc xem xét và đánh giá các vấn đề về lợi ích và xung đột lợi ích này không phải lúc nào cũng có thể điều chỉnh được toàn diện bằng một văn bản pháp luật. Tuy nhiên, các quy phạm điều chỉnh về lợi ích và xung đột lợi ích liên quan tới Thành viên độc lập HĐQT sẽ có thể được hoàn thiện tốt hơn nếu các quy phạm này nhận diện và phản ánh được bốn tầng xung đột lợi ích (four-tier pyramid of conflicts) thường trực trong hoạt động kinh doanh một cách triệt để và rõ ràng.

Bốn tầng xung đột lợi ích đó là:

- (i) Tầng xung đột lợi ích I (Tier-I conflicts) là những xung đột thực tế hoặc tiềm tàng giữa một Thành viên độc lập HĐQT và tổ chức tín dụng. Khái niệm xung đột lợi ích này rất đơn giản, đó là: không lợi dụng vị trí công tác, quyết định và hành động vì lợi ích của các bên liên quan chính như chủ sở hữu, cổ đông hay xã hội nói chung, chứ không phải lợi ích riêng;
- (ii) Tầng xung đột lợi ích II (Tier-II conflicts) phát sinh khi nghĩa vụ trung thành của Thành viên độc lập HĐQT đối với các bên liên quan chính hoặc tổ chức tín dụng bị xâm phạm. Điều này sẽ xảy ra khi một số thành viên HĐQT thực hiện ảnh hưởng đối với những người khác thông qua bồi thường, ưu đãi, mối quan hệ hoặc thao túng tâm lý. Trong những trường hợp cụ thể, một số Thành viên độc lập HĐQT hình thành một nhóm các bên liên quan riêng biệt và chỉ thể hiện sự trung thành với nhóm đó. Họ có xu hướng đại diện cho lợi ích nhóm hơn là lợi ích của công ty;
- (iii) Tầng xung đột lợi ích III (Tier-III conflicts) xuất hiện khi lợi ích của các nhóm liên quan không được cân bằng hoặc hài hòa một cách thích hợp. Khi nhiệm vụ cốt lõi của HĐQT là quan tâm đến một nhóm các bên liên quan cụ thể, chẳng hạn như các cổ đông lớn, thì tất cả các quyết định hợp lý và cấp cao đều hướng đến lợi ích cho nhóm cụ thể đó, mặc dù mối quan tâm của các bên liên quan khác vẫn có thể được công nhận; và
- (iv) Tầng xung đột lợi ích IV (Tier-IV conflicts) là những mối quan hệ giữa tổ chức tín dụng và xã hội và phát sinh khi một tổ chức tín dụng hành động vì lợi ích của chính mình với chi phí của xã hội. Khi mục đích của tổ chức tín dụng mâu thuẫn với lợi ích của xã hội, các Thành viên độc lập HĐQT cần có lập trường đạo đức, thận trọng và đưa ra các quyết định hợp lý.

Dự thảo Luật CTCTD điều chỉnh vấn đề lợi ích và xung đột lợi ích ở các điều khoản khác nhau nhưng chủ yếu vẫn chỉ dừng lại ở tầng xung đột lợi ích I, ví dụ như: Điều 32 về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, Điều 33 về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ và Điều 38 về trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan.

Các tầng xung đột lợi ích II, III và IV là rất tinh vi và vi tế, vì vậy, sẽ rất khó và không khả thi để cụ thể hóa các điều luật cho từng tầng xung đột lợi ích. Thay vào đó, một logic lập pháp có triết lý rõ ràng và tầm nhìn dài hạn với các giá trị và mục tiêu cụ thể sẽ là điều kiện cần và đủ để quy phạm pháp luật về xung đột lợi ích và vai trò của Thành viên độc

lập HĐQT được hoàn thiện rất ráo. Dự thảo Luật CTCTD hiện nay theo đó vẫn chưa đạt được kỳ vọng này.

Vì vậy, chúng tôi kiến nghị rằng cần có một nghiên cứu để đánh giá kỹ lưỡng hơn, chuyên sâu hơn và toàn diện hơn về chủ đề này, ngay cả sau khi Dự thảo Luật CTCTD được xem xét và thông qua tới đây. VNIDA rất vui lòng và sẵn sàng hỗ trợ, hợp tác và tham gia vào nghiên cứu đánh giá này, nếu có.

Các phân tích chi tiết thông qua việc so sánh với pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế trong khu vực được trình bày tại **Phụ lục I.6** bên dưới.

PHỤ LỤC I
Đánh giá của VNIDA về các vấn đề liên quan đến
Thành viên độc lập HĐQT của TCTD

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
1	Tiêu chuẩn, điều kiện “độc lập” của Thành viên độc lập HĐQT	Singapore Theo Quy chế QTCT Ngân hàng Singapore, Thành viên độc lập HĐQT phải, không kể các tiêu chí khác, độc lập với bất kỳ quan hệ kinh doanh hay điều hành nào đối với ngân hàng. Malaysia Theo Quy chế QTCT Ngân hàng Malaysia, Thành viên độc lập HĐQT sẽ không thỏa mãn điều kiện về tính độc lập nếu thành viên đó hoặc người có liên quan với thành viên đó, không kể các trường hợp khác, có quan hệ kinh doanh đáng kể hoặc các quan hệ hợp đồng khác với tổ chức tài chính hoặc bất kỳ bên liên kết nào của tổ chức tài chính đó trong vòng hai năm gần nhất. IFC Theo định nghĩa Thành viên độc lập HĐQT của IFC thì các tiêu chuẩn và điều kiện độc lập đối với Thành viên độc lập HĐQT bao gồm: (a) không phải là, và trong năm (5) năm gần nhất không phải là, nhân viên của Công ty hoặc các Bên Liên quan của Công ty; (b) không có, và trong năm (5) năm gần nhất không có, một mối quan hệ kinh doanh nào với Công ty hoặc các Bên Liên quan của Công ty (dù là trực tiếp hay với tư cách là đối tác, cổ đông (trừ trường hợp việc nắm giữ cổ phần của Thành viên HĐQT đó là theo quy định của Pháp luật Áp dụng tại Quốc gia của các thành viên HĐQT nói chung), và không phải là thành viên HĐQT, cán bộ hoặc nhân sự quản lý cấp cao của Người mà đang có hoặc đã có một mối quan hệ kinh	Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng [...] 2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó; trừ trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục. b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công	Nhìn chung, quy định của Dự thảo Luật CTCTD về tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm tính độc lập của Thành viên độc lập HĐQT tương đối đầy đủ, tương thích với các tiêu chí theo khuyến nghị của IFC. Một số tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của Dự thảo Luật CTCTD thậm chí còn rõ ràng, chặt chẽ hơn pháp luật Singapore, Malaysia, và khuyến nghị của IFC. Tuy nhiên, Dự thảo Luật CTCTD còn chưa quy định một số tiêu chuẩn, điều kiện quan trọng về tính độc lập của Thành viên độc lập HĐQT đã được ghi nhận theo quy định pháp luật Singapore, Malaysia và khuyến nghị của IFC. Chẳng hạn như, pháp luật Singapore, Malaysia, và khuyến nghị của IFC đều xác định một trong những điều kiện xác định tính độc lập là Thành viên độc lập HĐQT (hoặc người có liên quan của Thành viên độc lập HĐQT) không có bất kỳ mối quan hệ kinh doanh nào với tổ chức tín dụng. Điều kiện mà IFC đưa ra còn chặt chẽ hơn ở chỗ là Thành viên độc lập HĐQT không được là thành viên HĐQT, nhân sự quản lý cấp cao của người/bên có mối quan hệ kinh doanh với tổ chức tín dụng. Điều kiện độc lập trong mối quan hệ kinh doanh hiện nay chưa được ghi nhận trong Dự thảo Luật CTCTD. Do đó, kiến nghị cần bổ sung nội dung về điều kiện một Thành viên độc lập HĐQT (và các người liên quan của họ) phải không có các mối quan hệ kinh doanh với tổ chức tín dụng. Đồng thời, các Thành viên độc lập HĐQT cũng không được làm thành viên HĐQT, người quản lý doanh nghiệp của công ty có mối quan hệ kinh doanh với tổ chức tín dụng.

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
		doanh như vậy với Công ty); (c) không liên kết với bất kỳ tổ chức phi lợi nhuận nào mà nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Công ty hoặc các Bên Liên quan của công ty; (d) không nhận và trong năm (5) năm gần nhất không nhận, bất kỳ khoản phụ cấp nào từ Công ty hoặc các Bên Liên quan của Công ty, ngoại trừ khoản phí cho vị trí thành viên HĐQT của họ và khoản phí cho vị trí thành viên HĐQT đó không chiếm một phần lớn thu nhập hàng năm của thành viên HĐQT đó; (e) không tham gia vào bất kỳ [chế độ]/[kế hoạch] quyền mua cổ phiếu hoặc [chế độ]/[kế hoạch] nghỉ hưu của Công ty hoặc các Bên Liên quan của Công ty; (f) không phải là cán bộ điều hành của một công ty khác mà tại công ty đó có bất kỳ người điều hành nào của Công ty làm việc trong HĐQT của công ty đó; (g) không, và trong năm (5) năm gần nhất không có liên kết với hoặc không phải là nhân viên của một công ty kiểm toán hiện tại hay trước kia của Công ty hoặc của các Bên Liên quan của Công ty; (h) không nắm giữ một lợi ích đáng kể (sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với cổ phiếu có quyền biểu quyết chiếm ít nhất [hai phần trăm (2%)] của tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc các Bên Liên kết của Công ty) trong Công ty hoặc các Bên Liên quan của Công ty (dù là trực tiếp hay với tư cách là đối tác, cổ đông, thành viên HĐQT, cán bộ hoặc nhân sự quản lý cấp cao của Người nắm giữ một lợi ích đáng kể như vậy); (i) không phải là thành viên gia đình trực hệ (và không phải là người điều hành, người quản lý, hoặc người đại diện cá nhân của bất kỳ thành viên gia đình trực hệ nào đã chết hoặc mất năng lực pháp luật) của bất kỳ cá nhân nào mà không đáp ứng bất kỳ điều kiện được nêu từ điểm (a) đến điểm (h) (đối với trường hợp người đó là một thành viên HĐQT của Công ty); (j) được xác định trong báo cáo thường niên của Công ty mà được phát cho các cổ đông của Công ty với tư	ty con của tổ chức tín dụng; d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó, trừ trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục. Điều 42: Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên [...] 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ thời điểm được bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Điều 61: Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần 1. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng không quá 02 nhiệm	Ngoài ra, các tiêu chí khác theo khuyến nghị của IFC như: (i) không liên kết với bất kỳ tổ chức phi lợi nhuận nào mà nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Công ty hoặc các Bên Liên quan của công ty; (ii) không tham gia vào bất kỳ [chế độ]/[kế hoạch] quyền mua cổ phiếu hoặc [chế độ]/[kế hoạch] nghỉ hưu của Công ty hoặc các Bên Liên quan của Công ty; (iii) không phải là cán bộ điều hành của một công ty khác mà tại công ty đó có bất kỳ người điều hành nào của Công ty làm việc trong HĐQT của công ty đó; v.v. cũng nên được cân nhắc áp dụng.

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
		cách là một Thành viên độc lập HĐQT; và (k) không làm việc trong HĐQT quá mười (10) năm.	kỳ.	
2	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên độc lập HĐQT	Việt Nam Điều 155.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp Thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên độc lập HĐQT có liên quan. Malaysia Điều 11.10 Quy chế QTCT Ngân hàng Malaysia quy định: “Một Thành viên độc lập HĐQT phải ngay lập tức thông báo cho HĐQT về thay đổi trong bất hoàn cảnh nào của mình có thể ảnh hưởng đến tư cách là Thành viên độc lập HĐQT. Trong trường hợp đó, HĐQT phải xem xét lại việc bổ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT đó và thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản quyết định của HĐQT về việc xác nhận (chấp nhận) hoặc thay đổi việc bổ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT đó.”	Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 1. [...] thành viên Hội đồng quản trị; [...] của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: [...] đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;	Việc quy định nghĩa vụ báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT như trong Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ giúp HĐQT và ĐHĐCĐ có thể kiểm soát việc bảo đảm các tiêu chí độc lập của Thành viên độc lập HĐQT. Tuy nhiên, Dự thảo Luật CTCTD không quy định nghĩa vụ báo cáo của thành viên độc lập cho HĐQT khi không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Dự thảo Luật CTCTD cần bổ sung thêm nghĩa vụ báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT khi không còn đảm bảo yêu cầu về tính độc lập. Về hệ quả pháp lý khi không còn đáp ứng đủ điều kiện độc lập, theo Luật Doanh nghiệp 2020, khi Thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện thì đương nhiên không còn là Thành viên độc lập HĐQT. Tuy nhiên, theo Dự thảo Luật CTCTD, không có quy định rõ việc Thành viên độc lập HĐQT sẽ đương nhiên mất tư cách khi không đáp ứng các điều kiện độc lập theo luật định. Theo đó, có thể hiểu rằng Thành viên độc lập HĐQT chỉ bị mất tư cách thành viên HĐQT khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Điều này có thể dẫn đến trường hợp, một Thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện về tính độc lập nhưng vẫn có thể được hoạt động trong HĐQT cho đến khi bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Để đảm bảo không xảy ra trường hợp Thành viên độc lập HĐQT không đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia vào hoạt động, thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT, cần phải bổ sung quy định đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên HĐQT của Thành viên độc lập HĐQT ngay khi thành viên đó không đáp ứng đủ điều kiện.

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
				Về kỹ thuật, Luật Doanh nghiệp 2020 sử dụng cụm từ “không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản... Điều...” là rõ ràng hơn Dự thảo Luật CTCTD. Dự thảo Luật CTCTD chỉ quy định chung chung là “không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập” nhưng lại không chỉ rõ “yêu cầu về tính độc lập” được quy định ở đâu.
3	TVĐL HĐQT trong cấu trúc HĐQT	Việt Nam 1. Theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020, HĐQT của công ty cổ phần không có ban kiểm soát phải có ít nhất một phần năm (1/5) (20%) thành viên HĐQT là thành viên độc lập (Điều 137.1(b)). Theo quy định pháp luật về chứng khoán (Nghị định 155), số lượng Thành viên độc lập HĐQT tối thiểu được quy định như sau: ✓ Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết: Tương tự như quy định tại Luật Doanh nghiệp nêu trên (Điều 276.3 Nghị định 155). ✓ Đối với công ty đại chúng niêm yết: Số lượng Thành viên độc lập HĐQT tối thiểu tăng lũy tiến theo số lượng thành viên HĐQT và đạt tỷ lệ dao động từ một phần năm (1/5) đến một phần ba (1/3) số lượng thành viên HĐQT (Điều 276.4 Nghị định 155). 2. Theo Bộ Nguyên tắc QTCT, số lượng thành viên HĐQT của một công ty đại chúng nên là số lẻ từ năm đến mười một (Thông lệ Khuyến nghị 2.1.7), trong đó có tối thiểu từ một phần ba (1/3) cho tới đa số thành viên là Thành viên độc lập HĐQT (Thông lệ Khuyến nghị 3.2.3).	Điều 61. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần 1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 02 thành viên độc lập và phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.	Dự thảo Luật CTCTD ấn định số lượng Thành viên độc lập HĐQT là hai (2). Mặc dù con số này đã tăng lên so với một (1) Thành viên độc lập HĐQT trong Luật CTCTD hiện hành, tuy nhiên vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp và bất cập. Cụ thể, việc quy định số lượng Thành viên độc lập HĐQT tối thiểu là con số ấn định sẽ khiến cho tỷ lệ Thành viên độc lập HĐQT trong HĐQT có sự thay đổi lớn / không thống nhất giữa các HĐQT có từ 5 đến 11 thành viên. Trường hợp HĐQT có năm (5) thành viên thì tỷ lệ Thành viên độc lập HĐQT sẽ đạt trên một phần ba (1/3) số lượng thành viên HĐQT. Tuy nhiên, khi số lượng thành viên HĐQT càng tăng thì tỷ lệ Thành viên độc lập HĐQT trong HĐQT càng giảm. Trường hợp HĐQT có từ 7 thành viên trở lên thì tỷ lệ Thành viên độc lập HĐQT trong HĐQT sẽ thấp hơn một phần ba (1/3) và thậm chí thấp hơn một phần năm (1/5) khi HĐQT có 11 thành viên (tức thấp hơn tỷ lệ tối thiểu áp dụng đối với một công ty cổ phần chưa đại chúng). Với tỷ lệ Thành viên độc lập HĐQT thấp, HĐQT có thể không bảo đảm được việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của công ty và đảm bảo giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban Điều hành, làm giảm khả năng ngăn ngừa

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
		Singapore Theo Quy chế QTCT Ngân hàng Singapore, HĐQT của một ngân hàng tại Singapore phải có ít nhất đa số thành viên HĐQT là thành viên độc lập (Điều 9.1(b)). Trường hợp ngân hàng có cổ đông chủ chốt (nắm trên 50% vốn cổ phần hoặc quyền biểu quyết) thì có thể có ít nhất một phần ba (1/3) số lượng thành viên HĐQT là thành viên độc lập nhưng phải đảm bảo điều kiện có ít nhất đa số thành viên HĐQT phải độc lập với Ban Điều hành và độc lập trong các mối quan hệ kinh doanh với ngân hàng. Malaysia Theo Quy chế QTCT Ngân hàng Malaysia, HĐQT của một ngân hàng tại Malaysia phải có ít nhất đa số thành viên HĐQT là thành viên độc lập và không có bất kỳ ngoại lệ nào tương tự như Singapore (Mục 11.6).		xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của công ty (Nguyên tắc 3.2.1, Bộ Nguyên tắc QTCT). Ngoài ra, số lượng Thành viên độc lập HĐQT thấp cũng sẽ không đủ để đảm bảo các Thành viên độc lập HĐQT có thể phát huy hết các vai trò của mình, bao gồm vai trò giám sát và vai trò trong các ủy ban chuyên môn. Để giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, đảm bảo quy định trong Luật CTCTD tương thích với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành cũng như tiến tới tiệm cận với các thông lệ tốt, các chuẩn mực quốc tế, việc quy định về số lượng Thành viên độc lập HĐQT nên có cách thức tiếp cận phù hợp hơn. Cụ thể, thay vì sử dụng một con số cố định cụ thể, có thể cân nhắc áp dụng việc quy định số lượng Thành viên độc lập HĐQT dựa trên tỷ lệ. Về tỷ lệ cụ thể, có thể cân nhắc phương án áp dụng tỷ lệ riêng cho nhóm tổ chức tín dụng ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Cụ thể như sau: ✓ Đối với tổ chức tín dụng ngân hàng (cụ thể là ngân hàng thương mại): Áp dụng tỷ lệ tối thiểu đối với Thành viên độc lập HĐQT là một phần ba (1/3). ✓ Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính; và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác): Áp dụng tỷ lệ tối thiểu là một phần năm (1/5), tương tự như công ty cổ phần thông thường (theo quy định tại Điều 137.1(b) Luật Doanh nghiệp 2020).
4	Vai trò	Việt Nam	Điều 42. Hội đồng quản trị,	Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật CTCTD hiện

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
	của Thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban chuyên môn	1. Điều 44.6 Luật CTCTD hiện hành quy định HĐQT của TCTD phải thành lập các ủy ban chuyên môn để giúp việc cho HĐQT, trong đó bắt buộc phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Điều 25.2 Thông tư 40 quy định cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự trong ngân hàng thương mại cổ phần phải có tối thiểu ba (3) thành viên, gồm một (1) Trưởng ban là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ của ngân hàng thương mại. Một thành viên HĐQT chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Đối với Ủy ban quản lý rủi ro, phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của HĐQT. 2. Theo Bộ Nguyên tắc QTCTĐC, HĐQT cần phải thành lập một Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm và Lương thưởng (<i>Corporate Governance, Nomination and Remuneration - CGNR</i>), bao gồm tối thiểu ba thành viên HĐQT không điều hành có năng lực chuyên môn, đa số là Thành viên độc lập HĐQT, kể cả vị trí Chủ tịch Ủy ban. (Nguyên tắc 4.3, Thông lệ Khuyến nghị số 4.3.1). Quy chế hoạt động của Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm và Lương thưởng phải do Hội đồng quản trị phê duyệt và công bố trên website của Công ty (Nguyên tắc 4.3, Thông lệ Khuyến nghị số 4.3.2). Malaysia Theo Điều 12.3 Quy chế QTCT Ngân hàng Malaysia, mỗi Ủy ban HĐQT phải đảm bảo có: (i) Ít nhất ba (3) thành viên HĐQT; (ii) Có đa số Thành viên độc lập HĐQT; (iii) Có chủ tịch là Thành viên độc lập HĐQT; và (iv) Bao gồm các thành viên HĐQT có kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với các trách nhiệm của Ủy	Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên [...] 6. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.	hành, Dự thảo Luật CTCTD quy định HĐQT của TCTD phải có các Ủy ban chuyên môn giúp việc cho HĐQT, trong đó bắt buộc phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Dự thảo Luật CTCTD cũng không đưa ra các quy quy định cụ thể mà chỉ tạo cơ sở pháp lý để NHNN quy định cụ thể. Vai trò của Thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban chuyên môn của HĐQT theo Thông tư 40 là khá mờ nhạt khi chỉ có một quy định duy nhất yêu cầu Ủy ban quản lý rủi ro phải có một Thành viên độc lập HĐQT. Như đã đề cập ở Mục 2, một trong những vai trò quan trọng của Thành viên độc lập HĐQT là quản trị rủi ro. Tuy nhiên, với quy định chỉ có một thành viên độc lập trong Ủy ban quản lý rủi ro sẽ là không đủ để thành viên độc lập phát huy vai trò của mình. Ngoài ra, Thông tư 40 cũng không bắt buộc Ủy ban nhân sự phải có Thành viên độc lập HĐQT. Điều này có thể xuất phát từ quy định chỉ yêu cầu có một Thành viên độc lập HĐQT trong Luật CTCTD hiện hành. Với sự tăng lên về số lượng Thành viên độc lập HĐQT như đang được đề xuất, VNIDA đánh giá rằng sẽ là phù hợp nếu bổ sung một số quy định nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban chuyên môn của HĐQT thông qua việc nâng cao tỷ lệ tham gia của Thành viên độc lập HĐQT, mở rộng thêm vai trò của các Thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban chuyên môn này, cụ thể: (i) Trong tất cả các Ủy ban chuyên môn giúp việc của HĐQT đều phải có các Thành viên độc lập HĐQT là thành viên, thay vì chỉ đối với Ủy ban Quản lý rủi ro; (ii) Số lượng Thành viên độc lập HĐQT và thành

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
		ban chuyên môn HĐQT. Singapore Theo Quy chế QTCT Ngân hàng Singapore, ngoài cơ quan chuyên trách về kiểm toán nội bộ, HĐQT của một ngân hàng Singapore phải có: (i) Ủy ban Tiền lương (<i>Remuneration Committee</i>) với ít nhất 03 thành viên HĐQT, trong đó đa số thành viên và Chủ tịch của Ủy ban Tiền lương phải là Thành viên độc lập HĐQT (Điều 16-(1)). (ii) Ủy ban Bổ nhiệm (<i>Nominating Committee</i>) có từ 3-5 thành viên (đối với ngân hàng do nước ngoài sở hữu), và các trường hợp còn lại là từ 5-7 thành viên đều là thành viên HĐQT, trong đó đa số và nắm giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban Bổ nhiệm phải là Thành viên độc lập HĐQT (Điều 12-(1)).		viên HĐQT không điều hành trong các Ủy ban chuyên môn giúp việc của HĐQT nên chiếm đa số; (iii) Trưởng (Chủ tịch) của các Ủy ban phải là Thành viên độc lập HĐQT. Mỗi Thành viên độc lập HĐQT chỉ là Trưởng (Chủ tịch) của một (01) Ủy ban chuyên môn, trừ trường hợp số lượng Ủy ban chuyên môn nhiều hơn số lượng Thành viên độc lập HĐQT. Về cách thức quy định, các quy định về cơ cấu, số lượng, vai trò của các Thành viên độc lập HĐQT đối với TCTD là ngân hàng thương mại cổ phần nên được luật hóa, quy định trực tiếp trong Luật CTCTD để ghi nhận tầm quan trọng của các Thành viên độc lập HĐQT, đảm bảo sự tham gia và vai trò của các Thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban chuyên môn, mà không phụ thuộc vào quy định của các văn bản dưới luật.
5	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập hoặc bổ nhiệm Thành viên	Việt Nam Theo Bộ nguyên tắc QTCTĐC, Chủ tịch HĐQT nên là Thành viên độc lập HĐQT (Thông lệ Khuyến nghị 3.5.1). Trường hợp Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên độc lập, công ty nên thiết lập một cơ chế để bổ nhiệm một “Thành viên độc lập HĐQT đứng đầu” phụ trách các Thành viên độc lập HĐQT, đồng thời HĐQT nên bao gồm đa số các thành viên độc lập (Nguyên tắc 3.5). Thành viên độc lập HĐQT trong những trường hợp các thành viên HĐQT còn lại (bao gồm cả chủ tịch HĐQT) có xung đột lợi ích rõ ràng (Thông lệ Khuyến nghị 3.5.4).	Tương tự như Luật CTCTD hiện Hành, Dự thảo Luật CTCTD chưa có quy định về việc yêu cầu Chủ tịch HĐQT của TCTD là Thành viên độc lập cũng như chưa có quy định về cơ chế bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và hoạt động của “ <i>Thành viên độc lập HĐQT đứng đầu</i> ”.	Mặc dù trên thực tế cũng đã có các tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại bổ nhiệm chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập, ⁶ việc đưa ra quy định bắt buộc chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập có lẽ chưa thực sự cần thiết và phù hợp với điều kiện thực tế tại thị trường Việt Nam. Do đó, Dự thảo Luật CTCTD có thể cho các TCTD lựa chọn phương án bổ nhiệm chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập hoặc không là thành viên độc lập. Trong trường hợp không bổ nhiệm thành viên độc lập là chủ tịch HĐQT thì các TCTD (là ngân hàng thương mại cổ phần) cần phải bổ nhiệm một Thành viên độc lập HĐQT đứng đầu (hoặc gọi cách khác là Thành viên độc lập HĐQT đại diện / cấp cao).

⁶ Xem thêm: <https://hdbank.com.vn/vi/news/detail/tin-tuc/hdbank-bau-chu-tich-hoi-dong-quan-tri> và <https://vneconomy.vn/hdbank-chinh-thuc-co-chu-tich-hoi-dong-quan-tri-moi.htm> – truy cập ngày 20/06/2023.

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
	độc lập HĐQT đại diện / cấp cao	Singapore Theo Hướng dẫn của MAS, HĐQT của một ngân hàng tại Singapore cần có một thành viên độc lập đứng đầu (<i>a lead independent director</i>) thực hiện việc lãnh đạo trong trường hợp Chủ tịch HĐQT có liên quan đến xung đột lợi ích, đặc biệt là nếu như Chủ tịch HĐQT không phải thành viên độc lập. Thành viên độc lập HĐQT đứng đầu có quyền cung cấp thông tin cho các cổ đông khi các cổ đông có lo ngại về việc xung đột lợi ích của Chủ tịch HĐQT và trong những trường hợp như vậy, việc trao đổi với Chủ tịch HĐQT thông qua những phương thức trao đổi truyền thống là không phù hợp hoặc không toàn diện (Mục 3.3). Theo Hướng dẫn của MAS, Thành viên độc lập HĐQT cùng với các thành viên HĐQT không điều hành, theo sự tổ chức của Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập hoặc của Thành viên độc lập HĐQT đứng đầu, có thể cùng tham gia các cuộc họp thường xuyên mà không có sự có mặt của các chức danh quản lý (Mục 2.5).		Về quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT đại diện / cấp cao của TCTD: Trong điều kiện thông thường, Thành viên độc lập HĐQT đại diện / cấp cao bình đẳng về quyền và nghĩa vụ với các thành viên HĐQT khác. Tuy nhiên, khi xảy ra sự kiện (i) Chủ tịch HĐQT có liên quan đến xung đột lợi ích hoặc (ii) Chủ tịch HĐQT vắng mặt, từ nhiệm, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc các trường hợp khác theo quy định về Chủ tịch HĐQT mà dẫn tới vị trí Chủ tịch HĐQT không có người đảm nhiệm thì Thành viên độc lập HĐQT đại diện / cấp cao sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT cho đến khi HĐQT họp và bầu ra Chủ tịch HĐQT mới. Về thẩm quyền và thời điểm bầu và bổ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT đại diện / cấp cao: HĐQT bầu ở đầu nhiệm kỳ (nếu chủ tịch HĐQT không phải là thành viên độc lập), bầu khi vị trí Chủ tịch HĐQT bị thay đổi hoặc vì lý do khác không còn là thành viên độc lập, hoặc bầu khi có Thành viên độc lập HĐQT đứng đầu bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.
6	Mâu thuẫn lợi ích liên quan đến Thành viên độc lập HĐQT	Việt Nam 1. Luật Doanh nghiệp 2020 không đề cập đến khái niệm “xung đột lợi ích”, nhưng có lồng ghép một số cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích trong giao dịch giữa người quản lý, người điều hành công ty hoặc người liên quan của những người này với công ty. 2. Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 về Nội dung quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và được hướng dẫn bởi Mục 6 (Ngăn ngừa xung đột lợi ích) Chương VIII (Quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng) Nghị định 155 có quy định về kiểm soát,		

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
		ngăn ngừa xung đột lợi ích trong các công ty đại chúng theo hướng yêu cầu người quản lý, người điều hành công ty và thành viên Ban kiểm soát phải công khai / thông báo lợi ích liên quan, hạn chế quyền biểu quyết trong một số trường hợp. HĐQT có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT (Điều 278.4 Nghị định 155). Malaysia Quy chế QTCT Ngân hàng Malaysia khuyến khích các HĐQT của định chế được cấp phép (bao gồm ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư – Mục 1.01) phải ban hành quy trình và chính sách để quản trị các giao dịch với các bên liên quan và các tình huống xung đột lợi ích khác. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm những người quản lý cấp cao phải thực hiện chính sách đó, cũng như các quy tắc đạo đức, giá trị công ty và tăng cường tính chuyên nghiệp, chính trực cùng với trách nhiệm giải trình (Đoạn 7, Mục 2.10). Hoa Kỳ Tại Hoa Kỳ, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ yêu cầu các ngân hàng có trách nhiệm ban hành một chính sách riêng về mâu thuẫn lợi ích áp dụng đối với các thành viên HĐQT của ngân hàng đó, dưới dạng quy tắc (rules). Nội dung của quy tắc ngoài việc nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ của cơ quan quản lý, công khai quan hệ lợi ích và tăng cường kiểm soát nội bộ HĐQT thì còn quy định thêm về các vấn đề như yêu cầu bảo mật, kiểm soát các lợi ích thông qua		

STT	Vấn đề	Pháp luật trong nước, kinh nghiệm & pháp luật một số quốc gia, định chế trong khu vực và trên thế giới	Dự thảo Luật CTCTD	Đánh giá Dự thảo Luật CTCTD
		quà tặng (gift). (Mục 1261.11, Quy chế số 73 FR 55715, ngày 26 tháng 9 năm 2008, được sửa đổi tại Quy chế số 74 FR 51463, ngày 7 tháng 10 năm 2009). ⁷		

⁷ Xem thêm: federalregister.gov/documents/2008/09/26/E8-22659/federal-home-loan-bank-boards-of-directors-eligibility-and-elections#sectno-reference-1261.11 và federalregister.gov/documents/2009/10/07/E9-24063/federal-home-loan-bank-boards-of-directors-eligibility-and-elections.

PHỤ LỤC II
Đề xuất sửa đổi về các vấn đề liên quan đến Thành viên độc lập HĐQT của TCTD

STT	Vấn đề	Luật CTCTD hiện hành	Dự thảo Luật CTCTD	Điều khoản sửa đổi/bổ sung đề xuất của VNIDA
1	Tiêu chuẩn, điều kiện “độc lập” của Thành viên độc lập HĐQT	Điều 50. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng [...] 2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kể trước đó; b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng;	Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng [...] 2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kể trước đó; trừ trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục. b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó; trừ	Bổ sung các điểm e, g, h, i vào sau điểm đ khoản 2 Điều 49 Dự thảo Luật CTCTD như sau: Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng [...] 2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kể trước đó; trừ trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục. b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời

STT	Vấn đề	Luật CTCTD hiện hành	Dự thảo Luật CTCTD	Điều khoản sửa đổi/bổ sung đề xuất của VNIDA
		đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.	trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục.	điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó, trừ trường hợp là thành viên độc lập được bầu 02 nhiệm kỳ liên tục; <u>e) Không phải là người có bất kỳ mối quan hệ kinh doanh nào với tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; hoặc có người có liên quan có bất kỳ mối quan hệ kinh doanh nào với tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; không phải là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp có quan hệ kinh doanh với tổ chức tín dụng;</u> g) Không liên kết với bất kỳ tổ chức phi lợi nhuận nào mà nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; h) Không tham gia vào bất kỳ kế hoạch phát hành, mua cổ phiếu của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng, chế độ hưu trí của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng; i) Không phải là người quản lý, người điều hành của một công ty, tổ chức tín dụng khác mà tại công ty, tổ chức tín dụng đó có bất kỳ người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng đang làm việc trong hội đồng quản trị của công ty, tổ chức tín dụng đó.
2	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên độc lập HĐQT	Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 1. [...] thành viên Hội đồng quản trị; [...] của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: [...] đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản	Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 1. [...] thành viên Hội đồng quản trị; [...] của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: [...] đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;	Bổ sung quy định đương nhiên chấm dứt tư cách Thành viên độc lập HĐQT vào khoản 1 Điều 34 Dự thảo Luật CTCTD: Điều 34. Đương nhiên mất tư cách 1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc): [...]

STT	Vấn đề	Luật CTCTD hiện hành	Dự thảo Luật CTCTD	Điều khoản sửa đổi/bổ sung đề xuất của VNIDA
		trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;		<i>i) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không còn đáp ứng yêu cầu về tính độc lập được quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật này. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải ngay lập tức thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật này;</i> Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 35 Dự thảo Luật CTCTD như sau: Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 1. [...] thành viên Hội đồng quản trị; [...] của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: [...] đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị <i>không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật này;</i>
3	TVĐL HĐQT trong cấu trúc HĐQT	Điều 62. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần 1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.	Điều 61. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần 1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 02 thành viên độc lập và phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng không quá 02 nhiệm kỳ.	Sửa đổi khoản 1 Điều 61 Dự thảo Luật CTCTD như sau: Điều 61. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần 1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. <i>Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Trường hợp ngân hàng thương mại là công ty cổ phần thì Hội đồng quản trị ngân hàng phải có ít nhất một phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập, trường hợp tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ</i>

STT	Vấn đề	Luật CTCTD hiện hành	Dự thảo Luật CTCTD	Điều khoản sửa đổi/bổ sung đề xuất của VNIDA
				<i>phần thì Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng phải có ít nhất một phần năm tổng số thành viên là thành viên độc lập.</i>
4	Vai trò của Thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban chuyên môn	Điều 43. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên [...] 6. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. (Hướng dẫn bởi khoản 2 Điều 25 Thông tư 40 như sau: Điều 25. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự [...] 2. Một Ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và các thành viên khác do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ của ngân hàng thương mại. Một thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.)	Điều 42. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên [...] 6. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.	Bổ sung các khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 42 Dự thảo Luật CTCTD như sau: Điều 42. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên [...] 6. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN. 7. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị ngân hàng thương mại là công ty cổ phần phải có ít nhất một thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và phải có đa số thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành. Trưởng ban của các Ủy ban của Hội đồng quản trị ngân hàng thương mại là công ty cổ phần phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và chỉ được làm Trưởng ban của một (01) Ủy ban vào mỗi thời điểm, trừ trường hợp số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số lượng Ủy ban của Hội đồng quản trị.

STT	Vấn đề	Luật CTCTD hiện hành	Dự thảo Luật CTCTD	Điều khoản sửa đổi/bổ sung đề xuất của VNIDA
5	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập hoặc bổ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT đại diện / cấp cao	[Không có quy định tương ứng]	[Không có quy định tương ứng]	Bổ sung khoản 41 vào sau khoản 40 Điều 4 Dự thảo Luật CTCTD như sau: Điều 4. Giải thích từ ngữ: Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: [.] 41. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện là thành viên độc lập do Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng là công ty cổ phần bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị mà không phải là thành viên độc lập trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị mới hoặc khi có phát sinh vấn đề xung đột lợi ích với Chủ tịch Hội đồng quản trị đó. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 61 Dự thảo Luật CTCTD như sau: Điều 61. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần [...] 3. Trong phiên họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu không phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải bầu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện trong số các thành viên độc lập. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 64 Luật này và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội

STT	Vấn đề	Luật CTCTD hiện hành	Dự thảo Luật CTCTD	Điều khoản sửa đổi/bổ sung đề xuất của VNIDA
				<i>đồng quản trị trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị chưa bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới cho đến khi Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị mới, hoặc khi có phát sinh vấn đề xung đột lợi ích với Chủ tịch Hội đồng quản trị.</i>

PHỤ LỤC III
DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Việt Nam

1. Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 06 năm 2010 của Quốc hội (“**Luật CTCTD 2010**”) được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 (“**Luật CTCTD hiện hành**”);
2. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội (“**Luật Doanh nghiệp 2014**”);
3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (“**Luật Chứng khoán**”);
4. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 (“**Luật Doanh nghiệp 2020**”);
5. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
6. Thông tư số 40/2011/TT-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam ngày 15 tháng 12 năm 2011 Quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018, Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018, Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019, và Thông tư số 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 (“**Thông tư 40**”);
7. Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Thông tư 116**”);
8. Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2007 (“**Quy chế QTCTĐC 2007**”); và
9. Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng ở Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC phát hành vào tháng 8/2019 (“**Bộ Nguyên tắc Quản trị CTĐC**”).

Quốc tế

10. Đạo luật Ngân hàng (Chương 19) – Quy chế (Quản trị) Ngân hàng do Cơ quan Tiền tệ Singapore ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung theo các văn bản liên quan) (“**Quy chế QTCT Ngân hàng Singapore**”);

11. Quản trị Công dành cho Ngân hàng do Ngân hàng Negara Malaysia (Ngân hàng Trung ương Malaysia) ban hành ngày 03 tháng 8 năm 2016 ("**Quy chế QTCT Ngân hàng Malaysia**"); và
12. Hướng dẫn quản trị công ty dành cho các tập đoàn tài chính, ngân hàng và nhà bảo hiểm thành lập tại Singapore do Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2021 ("**Hướng dẫn của MAS**").